

BỘ Y TẾ

**HƯỚNG DẪN
QUY TRÌNH KỸ THUẬT
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
CHUYÊN NGÀNH RĂNG-HÀM-MẶT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3207/QĐ-BYT
ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
HÀ NỘI - 2015**

BỘ Y TẾ
Số: 3207/QĐ-BYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Răng-Hàm-Mặt

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét Biên bản họp của Hội đồng nghiệm thu Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Răng-Hàm-Mặt Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 347 Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Răng-Hàm-Mặt.

Điều 2. Các Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Răng Hàm Mặt này áp dụng cho tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Chánh thanh tra Bộ; các Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục của Bộ Y tế; Giám đốc các Bệnh viện, Viện có giường trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thủ trưởng Y tế các Bộ, ngành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Đã ký

Nguyễn Thị Xuyên

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ Y tế đã xây dựng và ban hành Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật bệnh viện tập I (năm 1999), tập II (năm 2000) và tập III (năm 2005), các quy trình kỹ thuật đó là quy chuẩn về quy trình thực hiện các kỹ thuật trong khám, chữa bệnh.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây khoa học công nghệ trên thế giới phát triển rất mạnh, trong đó có các kỹ thuật công nghệ phục vụ cho ngành y tế trong việc khám bệnh, điều trị, theo dõi và chăm sóc người bệnh. Nhiều kỹ thuật, phương pháp trong khám bệnh, chữa bệnh đã được cải tiến, phát minh, nhiều quy trình kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh đã có những thay đổi về mặt nhận thức cũng như về mặt kỹ thuật.

Nhằm cập nhật, bổ sung và chuẩn hóa các tiến bộ mới về số lượng và chất lượng kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh, Bộ trưởng Bộ Y tế đã thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh do Lãnh đạo Bộ Y tế làm Trưởng ban. Trên cơ sở đó Bộ Y tế có các Quyết định thành lập các Hội đồng biên soạn Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật trong khám, chữa bệnh theo các chuyên khoa, chuyên ngành mà Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc các Bệnh viện chuyên khoa, đa khoa hoặc các chuyên gia hàng đầu của Việt Nam. Các Hội đồng phân công các Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa theo chuyên khoa sâu biên soạn các nhóm Hướng dẫn quy trình kỹ thuật. Mỗi Hướng dẫn quy trình kỹ thuật đều được tham khảo các tài liệu trong nước, nước ngoài và chia sẻ kinh nghiệm của các đồng nghiệp thuộc chuyên khoa, chuyên ngành. Việc hoàn chỉnh mỗi Hướng dẫn quy trình kỹ thuật cũng tuân theo quy trình chặt chẽ bởi các Hội đồng khoa học cấp bệnh viện và các Hội đồng nghiệm thu của chuyên khoa đó do Bộ Y tế thành lập. Mỗi Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đảm bảo được nguyên tắc ngắn gọn, đầy đủ, khoa học và theo một thể thức thống nhất.

Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh là tài liệu hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, là cơ sở pháp lý để thực hiện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong toàn quốc được phép thực hiện kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh đồng thời cũng là cơ sở để xây dựng giá dịch vụ kỹ thuật, phân loại phẫu thuật, thủ thuật và những nội dung liên quan khác. Do số lượng danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh rất lớn mà mỗi Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám, chữa bệnh từ khi biên soạn đến khi Quyết định ban hành chứa đựng nhiều yếu tố, điều kiện nghiêm ngặt nên trong một thời gian ngắn không thể xây dựng, biên soạn và ban hành đầy đủ các Hướng dẫn quy trình kỹ thuật. Bộ Y tế sẽ Quyết định ban hành những Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh cơ bản, phổ biến theo từng chuyên khoa, chuyên ngành và tiếp tục ban hành bổ sung những quy trình kỹ thuật đối với mỗi chuyên khoa, chuyên ngành nhằm đảm bảo sự đầy đủ theo Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh.

Để giúp hoàn thành các Hướng dẫn quy trình kỹ thuật này, Bộ Y tế trân trọng cảm ơn, biểu dương và ghi nhận sự nỗ lực tổ chức, thực hiện của Lãnh đạo, Chuyên viên

Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, sự đóng góp của Lãnh đạo các Bệnh viện, các Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa, chuyên ngành là tác giả hoặc là thành viên của các Hội đồng biên soạn, Hội đồng nghiệm thu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh và các nhà chuyên môn đã tham gia góp ý cho tài liệu.

Trong quá trình biên tập, in ấn tài liệu khó có thể tránh được các sai sót, Bộ Y tế mong nhận được sự góp ý gửi về Cục Quản lý Khám, chữa bệnh-Bộ Y tế 138A-Giảng Võ-Ba Đình-Hà Nội./.

Thứ trưởng Bộ Y tế

Trưởng Ban chỉ đạo

PGS.TS. Nguyễn Thị Xuyên

BAN CHỈ ĐẠO

Trưởng Ban chỉ đạo:

PGS.TS. Nguyễn Thị Xuyên, Thứ trưởng Bộ Y tế

Phó Trưởng Ban chỉ đạo:

PGS.TS. Lương Ngọc Khuê, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

TS. Nguyễn Huy Quang, Vụ trưởng Vụ Pháp chế

Các ủy viên:

PGS.TS. Phạm Vũ Khánh, Cục trưởng Cục Y dược cổ truyền

TS. Nguyễn Hoàng Long, Nguyên Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính

TS. Trần Văn Tiến, Nguyên Phó Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm Y tế

PGS.TS. Lưu Thị Hồng, Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em

TS. Trần Quý Tường, Phó Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Nguyễn Trọng Khoa, Phó Cục trưởng, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

PGS.TS. Nguyễn Tiến Quyết, Giám đốc Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức

PGS.TS. Nguyễn Quốc Anh, Giám đốc Bệnh viện Bạch Mai

PGS.TS. Nguyễn Trường Sơn, Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy

GS.TS. Bùi Đức Phú, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế

GS.TS. Nguyễn Thanh Liêm, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Nhi Trung ương

GS.TS. Lê Năm, Nguyên Giám đốc Viện Bỏng Lê Hữu Trác

PGS.TS. Đinh Ngọc Sỹ, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Phổi Trung Ương

PGS.TS. Đỗ Như Hôn, Giám đốc Bệnh viện Mắt Trung Ương

PGS.TS. Bùi Diệu, Giám đốc Bệnh viện K

PGS.TS. Nguyễn Viết Tiến, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Trung ương

PGS.TS. Trịnh Đình Hải, Giám đốc Bệnh viện Răng Hàm Mặt TƯ, Hà Nội

PGS.TS. Võ Thanh Quang, Giám đốc Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương

PGS.TS. Trần Hậu Khang, Giám đốc Bệnh viện Da liễu Trung ương

GS.TS. Nguyễn Anh Trí, Giám đốc Viện Huyết học- Truyền máu Trung ương

PGS.TS. Nghiêm Hữu Thành, Giám đốc Bệnh viện Châm cứu Trung ương

PGS.TS. Trần Quốc Bình, Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương

TS. Nguyễn Văn Tiến, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Nội Tiết Trung ương

Tổ thư ký:

ThS. Nguyễn Đức Tiến, Trưởng Phòng nghiệp vụ Y và dược bệnh viện, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh.

BS. Nguyễn Ngọc Khang, Phó Trưởng Phòng phụ trách phòng Pháp chế Thanh tra, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Lê Tuấn Đồng, Trưởng Phòng Phục hồi chức năng và Giám định, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Phạm Thị Kim Cúc, Chuyên viên Phòng nghiệp vụ Y và dược bệnh viện, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Trần Thị Hồng Hải, Chuyên viên Vụ Bảo hiểm y tế

BAN BIÊN TẬP

Chủ biên:

PGS.TS. Trịnh Đình Hải, Giám đốc Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

Ban thư ký:

ThS. Nguyễn Đức Tiến, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y và dược Bệnh viện, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Phạm Thị Kim Cúc, Chuyên viên phòng Nghiệp vụ Y và dược Bệnh viện, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

ThS. Trần Văn Phú, Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

BS.Trần Thị Ngọc Thúy, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội .

BAN BIÊN SOẠN

Hội đồng biên soạn, Hội đồng nghiệm thu

PGS.TS. Trịnh Đình Hải, Giám đốc Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

PGS.TS. Lương Ngọc Khuê, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh.

PGS.TS. Lâm Hoài Phương, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương TP Hồ Chí Minh.

GS.TS. Hoàng Tử Hùng, Phó Chủ tịch Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam- Nguyên trưởng khoa Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh.

BSCKII. Vũ Đình Minh, Phó Giám đốc Bệnh viện Răng Hàm Mặt TƯ Hà Nội.

PGS.TS. Trương Mạnh Dũng, Viện trưởng Viện đào tạo Răng hàm Mặt, Trường Đại học Y Hà Nội.

PGS.TS. Đỗ Quang Trung, Nguyên Trưởng bộ môn Răng Hàm mặt, Trường Đại học Y Hà Nội, Ủy viên Thường vụ Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam.

PGS.TS. Trương Uyên Thái, Nguyên trưởng Bộ môn Răng Hàm Mặt, Học Viện Quân Y, Ủy viên Ban chấp hành Hội Răng Hàm Mặt Việt Nam.

PGS.TS. Phạm Dương Châu, Nguyên Trưởng khoa Phẫu thuật tạo hình Hàm Mặt, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

PGS.TS. Lê Đức Lánh, Trưởng khoa Răng Hàm Mặt, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh.

TS. Nguyễn Đức Thắng, Trưởng khoa Nha chu, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

Tham gia biên soạn

PGS.TS. Trịnh Đình Hải, Giám đốc Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

PGS.TS. Lâm Hoài Phương, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương TP Hồ Chí Minh.

BSCCKII. Vũ Đình Minh, Phó Giám đốc Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

BSCCKII. Nguyễn Đức Dỹ, Phó Giám đốc Bệnh viện, Trưởng khoa Phẫu thuật trong miệng, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

TS. Ngô Đồng Khanh, Nguyên Phó Giám đốc Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương TP Hồ Chí Minh.

ThS. Lê Trung Chánh, Giám đốc Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương TP Hồ Chí Minh.

PGS. TS. Lê Văn Sơn, Phó Trưởng khoa Phẫu thuật tạo hình hàm mặt, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

PGS.TS. Phạm Dương Châu, Nguyên Trưởng khoa Phẫu thuật tạo hình hàm mặt, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

TS. Nguyễn Đức Thắng, Trưởng khoa Nha chu, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

TS. Phạm Thị Thu Hiền, Trưởng khoa Điều trị nội nha, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

TS. Trần Thúy Nga, Ban đào tạo, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương TP Hồ Chí Minh.

BSCCKII. Đồng Văn Biểu, Trưởng khoa Răng trẻ em, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

TS. Chu Thị Quỳnh Hương, Trưởng khoa Phục hình, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

BSCCKII. Hoàng Thị Bạch Dương, Trưởng khoa Nắn chỉnh răng, Bệnh viện Răng Hàm Mặt TƯ Hà Nội.

ThS. Nguyễn Quang Bình, Trưởng khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

TS. Phạm Thanh Hà, Phó trưởng khoa Cấy ghép Implant, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

BSCCKI. Nguyễn Ngọc Dung, Chuyên ngành Phẫu thuật thẩm mỹ, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

ThS. Phùng Thị Thanh Lý, Trưởng Khoa Răng trẻ em, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

BSCCKII. Nguyễn Mạnh Hà, Phó trưởng Khoa Phẫu thuật và tạo hình hàm mặt, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

TS. Phạm Hoàng Tuấn, Phó trưởng khoa Chấn thương và chỉnh hình hàm mặt, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

TS. Lê Ngọc Tuyền, Phó trưởng khoa Phẫu thuật và tạo hình hàm mặt, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

TS. Nguyễn Thị Hồng Minh, Phó trưởng khoa Nha chu, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

ThS. Bùi Thị Thanh Tâm, Phó trưởng khoa Điều trị nội nha, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

ThS. Phan Văn Việt, Phó trưởng khoa Phẫu thuật trong miệng, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương, Hà Nội.

ThS. Nguyễn Thanh Huyền, Phó trưởng khoa Nắn chỉnh răng, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

ThS. Đặng Thị Lan Anh, Phó trưởng khoa Răng trẻ em, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương, Hà Nội.

BSCCKII. Phó Bích Hà, Phó trưởng khoa Phục hình, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

BSCCKII. Hồ Thị Quỳnh Minh, Khoa Nha chu, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

ThS. Nguyễn Thế Hạnh, Khoa Điều trị nội nha, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

ThS. Lương Thị Nghĩa Vân, Khoa Phục hình, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

ThS. Nguyễn Thị Tường Nga, Khoa Phục hình, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

ThS. Nguyễn Thị Vân Anh, Khoa Răng trẻ em, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

ThS. Nguyễn Anh Tùng, Khoa Phẫu thuật trong miệng, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

ThS. Trần Hải Hà, Khoa Nắn chỉnh răng, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

ThS. Đặng Thị Vỹ, Khoa Nắn chỉnh răng, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

TS. Võ Thị Thúy Hồng, Khoa Nắn chỉnh răng, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

ThS. Vũ Tuấn Hùng, Khoa Chấn thương và chỉnh hình hàm mặt, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

ThS. Nguyễn Tấn Văn, Khoa Phẫu thuật và tạo hình hàm mặt, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

BS. Phạm Doãn Thùy Trâm, Khoa Răng trẻ em, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội

MỤC LỤC

Phẫu thuật dịch chuyển dây thần kinh răng dưới để cấy ghép implant	23
Phẫu thuật ghép xương tự thân để cấy ghép implant	26
Phẫu thuật ghép xương nhân tạo để cấy ghép implant	29
Phẫu thuật ghép xương hỗn hợp để cấy ghép implant	32
Phẫu thuật đặt xương nhân tạo và màng sinh học quanh implant	35
Phẫu thuật cấy ghép implant	37
Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu tự thân để cấy ghép implan	40
Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu nhân tạo để cấy ghép implan	43
Phẫu thuật nâng sàn xoang hàm sử dụng vật liệu hỗn hợp để cấy ghép implan	46
Phẫu thuật tách xương để cấy ghép implant	49
Cấy ghép implant tức thì sau nhổ răng	52
Phẫu thuật tăng lợi sừng hóa quanh implant	55
Phẫu thuật đặt lưới titanium tái tạo xương có hướng dẫn	57
Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép implant	60
Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương tự thân lấy trong miệng	62
Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương tự thân lấy ngoài miệng	65
Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng màng sinh học	68
Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương đông khô	71
Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép vật liệu thay thế xương	74
Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương tự thân lấy trong miệng	77
Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương tự thân lấy ngoài miệng	80
Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương đông khô và đặt màng sinh học	83
Phẫu thuật điều trị khuyết hồng chỉnh chân răng bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	86
Phẫu thuật điều trị khuyết hồng chỉnh chân răng bằng đặt màng sinh học	89
Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	92
Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật trượt đẩy sang bên có ghép niêm mạc	95
Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật niêm mạc toàn phần	99

Phẫu thuật che phủ chân răng bằng ghép mô liên kết dưới biểu mô	102
Phẫu thuật che phủ chân răng bằng vật trượt sang bên	106
Phẫu thuật che phủ chân răng bằng đặt màng sinh học	109
Phẫu thuật vật niêm mạc làm tăng chiều cao lợi dính	112
Phẫu thuật ghép biểu mô và mô liên kết làm tăng chiều cao lợi dính	114
Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng	117
Phẫu thuật vật điều trị túi quanh răng	119
Nạo túi lợi	121
Phẫu thuật tạo hình nhú lợi	123
Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	125
Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và composite	127
Điều trị áp -xe quanh răng cấp	129
Điều trị áp -xe quanh răng mạn	131
Điều trị viêm quanh răng	133
Chích apxe lợi	136
Kỹ thuật lấy cao răng	138
Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng gutta percha nguội	140
Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng gutta percha nóng chảy	144
Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng gutta percha nguội	147
Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng gutta percha nóng chảy	151
Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng gutta percha nguội	155
Điều trị tủy răng có sử dụng kính hiển vi và hàn kín hệ thống ống tủy bằng gutta percha nóng chảy	159
Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng gutta percha nguội	163
Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng gutta percha nóng chảy	166
Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng gutta percha nguội có sử dụng trục xoay cầm tay	169
Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng gutta percha nóng chảy có sử dụng trục xoay cầm tay	172

Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng gutta percha có sử dụng trâm xoay máy	175
Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy	178
Chụp tủy bằng MTA	181
Chụp tủy bằng hydroxit canxi	183
Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn	185
Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA	187
Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)	191
Điều trị tủy lại	195
Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng	198
Phẫu thuật nội nha hàn ngược ống tủy	200
Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam có sử dụng laser	203
Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng composite có sử dụng laser	205
Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng glass ionomer cement (GIG) có sử dụng laser	208
Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng glass ionomer cement kết hợp composite	210
Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng composite	212
Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng amalgam	214
Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng glassionomer cement	216
Phục hồi cổ răng bằng glass ionomer cement	218
Phục hồi cổ răng bằng composite	220
Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà	222
Phục hồi cổ răng bằng glass ionomer cement (GIC) có sử dụng laser	224
Phục hồi cổ răng bằng composite có sử dụng laser	226
Phục hồi thân răng bằng inlay /onlay	229
Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau	231
Veneer composite trực tiếp	233
Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma	236
Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn laser	239
Tẩy trắng răng nội tủy	242
Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc	244

Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt.	246
Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	248
Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên implant	250
Chụp sứ titanium gắn bằng ốc vít trên implant	253
Chụp sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên implant	256
Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên implant	259
Phục hình gắn cement chụp sứ kim loại trên implant	262
Phục hình gắn cement chụp sứ titanium trên implant	265
Phục hình gắn cement chụp sứ kim loại quý trên implant	268
Phục hình gắn cement chụp sứ toàn phần trên implant	271
Cầu sứ kim loại gắn bằng ốc vít trên implant	274
Cầu sứ titanium gắn bằng ốc vít trên implant	277
Cầu sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên implant	280
Cầu sứ cercon gắn bằng ốc vít trên implant	283
Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên implant	286
Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên implant	289
Cầu sứ titanium gắn bằng cement trên implant	292
Cầu sứ kim loại quý gắn bằng cement trên implant	295
Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên implant	298
Hàm giả toàn phần dạng cúc bấm tựa trên implant	301
Phục hình hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trên implant	304
Chụp nhựa	307
Chụp thép (kim loại)	310
Chụp hợp kim thường cần sứ	313
Chụp hợp kim thường cần nhựa	316
Chụp hợp kim titanium cần sứ	319
Chụp sứ toàn phần	322
Chụp hợp kim quý cần sứ	325
Chụp sứ cercon	328
Cầu nhựa	331
Cầu hợp kim thường (cầu thép)	334

Cầu kim loại cần nhựa	337
Cầu sứ kim loại thường	340
Cầu hợp kim titanium cần sứ	343
Cầu hợp kim quý cần sứ	346
Cầu sứ toàn phần	349
Cầu sứ cercon	352
Phục hình chốt cùi đúc kim loại	355
Phục hình cùi đúc Titanium	357
Phục hình cùi đúc kim loại quý	360
Phục hình inlay - onlay kim loại	363
Phục hình inlay - onlay hợp kim titan	366
Phục hình răng bằng inlay - onlay kim loại quý	369
Phục hình inlay - onlay sứ toàn phần	372
Phục hình veneer composite gián tiếp	375
Phục hình veneer sứ toàn phần	378
Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	381
Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	384
Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	387
Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo	390
Hàm khung kim loại	393
Hàm khung titanium	396
Máng hở mặt nhai	399
Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng	401
Tháo cầu răng giả	403
Tháo chụp răng giả	405
Sửa hàm giả gãy	407
Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	409
Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	411
Đệm hàm nhựa thường	413
Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi	415
Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi	417

Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay	420
Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định	423
Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định ốc nong nhanh	425
Kỹ thuật nong rộng hàm bằng khí cụ quad helix	427
Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định forsus	429
Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định mara	431
Nắn chỉnh răng/hàm dùng lực ngoài miệng sử dụng headgear	434
Điều trị chỉnh hình răng mặt sử dụng khí cụ face mask và ốc nong nhanh	437
Nắn chỉnh răng/hàm dùng lực ngoài miệng sử dụng Chin - cup	440
Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định	443
Sử dụng khí cụ cố định nance làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng	445
Sử dụng cung ngang vòm khẩu cái (TPA) làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng	447
Sử dụng cung lưỡi làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng	449
Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng microimplant	452
Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định	454
Nắn chỉnh răng mọc ngầm	457
Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định	460
Qui trình giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang khẩu cái (TPA)	463
Qui trình giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định L.A	466
Nắn chỉnh mũi -cung hàm trước phẫu thuật điều trị khe hở môi-vòm miệng giai đoạn sớm	468
Nắn chỉnh cung hàm trước phẫu thuật điều trị khe hở môi -vòm miệng giai đoạn sớm	471
Nắn chỉnh mũi trước phẫu thuật điều trị khe hở môi -vòm miệng giai đoạn sớm	474
Kỹ thuật làm dài thân răng lâm sàng sử dụng khí cụ cố định	476
Kỹ thuật dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn hóa trùng hợp	479
Kỹ thuật dán mắc cài trực tiếp sử dụng đèn quang trùng hợp	481
Qui trình gắn mắc cài mặt lưỡi bằng kỹ thuật gắn gián tiếp	483
Qui trình gắn mắc cài mặt ngoài bằng kỹ thuật gắn gián tiếp	486
Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng	189
Kỹ thuật làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bê loop I hoặc dây cung đảo ngược đường cong spee có bê loop	492

Kỹ thuật làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (utility archwireU) và cung phụ làm lún răng cửa	495
Kỹ thuật làm trời răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt	497
Kỹ thuật đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định	500
Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định	503
Nắn chỉnh khối tiền hàm trước phẫu thuật cho trẻ khe hở môi-vòm miệng	506
Kỹ thuật đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp	508
Kỹ thuật nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp	511
Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ tháo lắp	513
Quy trình duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp	516
Kỹ thuật nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp	518
Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp	521
Kỹ thuật nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp	523
Làm lún răng cửa hàm dưới sử dụng khí cụ tháo lắp tấm cắn (bite plate) hoặc mặt phẳng cắn phía trước (anterior bite plane)	526
Kỹ thuật đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp	529
Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi	532
Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi	534
Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút ngón tay	536
Điều trị thói quen xấu thở miệng bằng khí cụ tháo lắp	538
Kỹ thuật gắn band	540
Máng điều trị đau khớp thái dương hàm	542
Máng nâng khớp cắn	545
Kỹ thuật mài chỉnh khớp cắn	547
Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	549
Phẫu thuật nhổ răng ngầm	551
Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	553
Phẫu thuật nhổ răng khôn hàm dưới mọc lệch	555
Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	557
Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân, chia chân răng	559
Nhổ răng vĩnh viễn	561
Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	563

Nhổ chân răng vĩnh viễn	565
Nhổ răng thừa	567
Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	569
Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng	571
Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	573
Phẫu thuật nạo quanh cuống răng	575
Phẫu thuật cắt cuống răng	577
Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng	579
Cắt lợi xơ cho răng mọc	581
Lợi trùm răng khôn hàm dưới	583
Cắt phanh niêm mạc để làm hàm giả	585
Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	587
Phẫu thuật cắt phanh môi	589
Phẫu thuật cắt phanh má	591
Cấy chuyển răng	593
Cấy lại răng bật khỏi ổ răng	595
Điều trị viêm quanh thân răng cấp	597
Trám bít hố rãnh bằng glass ionomer cement quang trùng hợp	599
Trám bít hố rãnh bằng composite hóa trùng hợp	601
Trám bít hố rãnh bằng composite quang trùng hợp	603
Trám bít hố rãnh bằng nhựa sealant	605
Trám bít hố rãnh bằng glass ionomer cement	607
Hàn răng không sang chấn với glass ionomer cement	609
Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	611
Phòng ngừa sâu răng với máng gel fluor	613
Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	615
Lấy tủy buồng răng sữa	617
Điều trị tủy răng sữa	619
Điều trị đóng cuống răng bằng canxi hydroxit	622
Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	625
Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng amalgam	628

Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng glass ionomer cement	630
Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép	632
Nhổ răng sữa	634
Nhổ chân răng sữa	636
Chích áp-xe lợi ở trẻ em	638
Điều trị viêm lợi ở trẻ em (do mảng bám)	640
Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng chỉ thép	642
Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít	644
Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	646
Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế	648
Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng ghép xương sụn tự thân	650
Phẫu thuật gãy lefort I bằng chỉ thép	653
Phẫu thuật gãy lefort I bằng nẹp vít	655
Phẫu thuật gãy lefort I bằng nẹp vít tự tiêu	657
Phẫu thuật điều trị gãy lefort II bằng chỉ thép	659
Phẫu thuật gãy lefort II bằng nẹp vít	661
Phẫu thuật gãy lefort II bằng nẹp vít tự tiêu	663
Phẫu thuật gãy lefort III bằng chỉ thép	665
Phẫu thuật gãy lefort III bằng nẹp vít	667
Phẫu thuật gãy lefort III bằng nẹp vít tự tiêu	669
Phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên	671
Phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới	674
Phẫu thuật điều trị can sai xương gò má	677
Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên một bên	679
Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên hai bên	682
Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới một bên	685
Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm dưới hai bên	688
Phẫu thuật chỉnh hình xương hai hàm	691
Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm một bên bằng ghép xương - sụn tự thân	694
Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm một bên bằng ghép vật liệu thay thế	697

Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm hai bên bằng ghép xương - sụn tự thân	700
Phẫu thuật điều trị dính khớp thái dương hàm hai bên bằng ghép vật liệu thay thế	703
Phẫu thuật gãy hàm dưới bằng chỉ thép	706
Phẫu thuật gãy hàm dưới bằng nẹp vít	708
Phẫu thuật gãy hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	710
Phẫu thuật gãy gò má bằng chỉ thép	712
Phẫu thuật gãy gò má bằng nẹp vít	714
Phẫu thuật gãy gò má bằng nẹp vít tự tiêu	716
Phẫu thuật gãy cung tiếp bằng chỉ thép	718
Phẫu thuật gãy cung tiếp bằng nẹp vít	720
Phẫu thuật gãy cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	722
Phẫu thuật gãy xương gò má cung tiếp bằng chỉ thép	724
Phẫu thuật gãy xương gò má cung tiếp bằng nẹp vít	726
Phẫu thuật gãy xương gò má cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	728
Điều trị gãy gò má, cung tiếp bằng nắn chỉnh có gây mê hoặc gây tê	730
Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng chỉ thép	732
Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng nẹp vít	734
Phẫu thuật xương chính mũi bằng nẹp vít tự tiêu	736
Phẫu thuật điều trị gãy xương chính mũi bằng vật liệu thay thế	738
Điều trị gãy xương hàm dưới bằng máng phẫu thuật	740
Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc cung cố định hai hàm	742
Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút ivy cố định hai hàm	744
Điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn cố định hai hàm	746
Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng lấy bỏ lồi cầu	748
Điều trị bảo tồn gãy lồi cầu xương hàm dưới	750
Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	752
Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép sụn xương tự thân	754
Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép vật liệu thay thế	757
Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	760
Điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	762
Điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	764

Phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hỏa khí	766
Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	768
Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	770
Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	772
Điều trị sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	774
Phẫu thuật tái tạo xương hàm dưới bằng ghép xương vi phẫu thuật	776
Phẫu thuật điều trị khuyết hồng phần mềm vùng hàm mặt bằng vi phẫu thuật	779
Phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	782
Phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	784
Phẫu thuật lấy sỏi ống wharton tuyến dưới hàm	786
Phẫu thuật nối ống tuyến điều trị rò tuyến nước bọt mang tai	788
Phẫu thuật tạo đường dẫn trong miệng điều trị rò tuyến nước bọt mang tai	790
Điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	792
Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	794
Phẫu thuật ghép tức thì bằng vật liệu thay thế sau cắt đoạn xương hàm trên	796
Phẫu thuật ghép xương tự thân tự do tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới	798
Phẫu thuật cắt đoạn xương hàm dưới không đặt nẹp giữ chỗ	801
Phẫu thuật đặt khung nẹp hợp kim tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới	803
Phẫu thuật gây tê vùng điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên	805
Phẫu thuật cắt nhánh dưới ổ mắt của dây thần kinh V	807
Phẫu thuật cắt nhánh hàm dưới của dây thần kinh V	809
Phẫu thuật tạo hình các khuyết hồng lớn vùng hàm mặt bằng vật da cơ	811
Cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	813
Phẫu thuật cắt u men xương hàm dưới để lại bờ nền	815
Phẫu thuật cắt lõi xương	817
Phẫu thuật làm sâu ngách tiền đình	819
Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	821
Phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng	823
Phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm	825
Phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm do tia xạ	827
Phẫu thuật điều trị hoại tử xương hàm và phần mềm do tia xạ	829

Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	831
Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	833
Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên có can thiệp xoang	835
Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	837
Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	839
Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan tỏa vùng hàm mặt	841
Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	843
Nắn sai khớp thái dương hàm	845
Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây mê	847
Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	849
Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	851
Điều trị u lợi bằng laser	853
Điều trị viêm lợi loét hoại tử cấp	855
Phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên	857
Phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên	859
Phẫu thuật điều trị khe hở chéو mặt một bên	861
Phẫu thuật điều trị khe hở chéو mặt hai bên	863
Phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ	865
Phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ	867
Phẫu thuật điều trị khe hở ngang mặt	869